

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 19/11/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2770/BQLGT-ĐHDA1 ngày 26/11/2021 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 997/TTr-STNMT ngày 30/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại mỏ đất số hiệu 86, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND xã Mỹ Trinh theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các đơn vị khai thác trong quá trình khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình theo các nội dung yêu cầu tại Báo cáo ĐTM.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

5. Trường hợp Dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Trinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI MỎ ĐẤT
SỐ HIỆU 86, XÃ MỸ TRINH, HUYỆN PHÙ MỸ
CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN GIAO THÔNG TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. *Tên dự án:* Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất số hiệu 86, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ để phục vụ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây Tĩnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ.

1.2. *Địa điểm dự án:* Mỏ đất 86, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

1.3. *Chủ đầu tư:* Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bình Định.

1.4. *Địa chỉ liên hệ:* Số 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 02563.892.357

1.5. *Quy mô, công suất khai thác*

- Diện tích dự án: 19,7 ha.

- Thời gian khai thác: 02 năm (thực hiện khai thác theo tiến độ thi công dự án Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h30 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h30 hàng ngày).

- Trữ lượng khai thác: 887.864 m³ đất địa chất (tương ứng 1.030.810 m³ đất nguyên khai).

- Phương pháp khai thác: Chia mỏ làm 03 khoảnh và thực hiện khai thác đồng thời, mở vỉa khai thác từ phía Tây Bắc; khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới với chiều sâu khai thác trung bình 4,63 m. Kết thúc khai thác, địa hình thoải dần từ cao độ +175m đến +44m. Sử dụng 06 máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo quy định của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.6. *Các hạng mục công trình chính của Dự án*

- Công trình bảo vệ môi trường: 02 hồ lắng 02 ngăn, 02 hồ giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường vận tải ngoài từ mỏ đến đường ĐT.631: đường bê tông hiện trạng, kích thước: dài 2.300 m x rộng 5,5 m.

- Tuyến đường tạm trong khu mỏ: có tổng chiều dài 863,41 m x rộng 5 m, được lắp công bê tông tại đoạn giao với mương thu gom nước mưa.

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ tại vị trí đường ra vào ở phía Tây Bắc khu mỏ.

- Sân công nghiệp diện tích khoảng 1.500 m² (nằm trong khu vực mỏ) để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa tạm có diện tích 148 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ; hoạt động vận chuyển đất có thể gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường dân sinh hiện trạng, mất an toàn giao thông.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 2,48 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 22.453,55 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 19,815 ha).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh trung bình khoảng 13,95 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng, hệ thống mương thu gom, thoát nước và mương rửa bánh xe.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 30 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 02 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 1.965 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc đường bên trong khu mỏ, tổng chiều dài khoảng 863,41 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 0,4 m); mương dẫn nước từ hồ lắng ra nguồn tiếp nhận, tổng chiều dài khoảng 160 m (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hờ, được gia cố đảm bảo.

- 02 hồ lắng nước mưa chảy tràn, kết cấu là hồ lắng 02 ngăn, được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$).

+ Hồ lắng số 1: phía Tây Bắc mỏ (tọa độ: 1.573.642; 290.271), thể tích khoảng 1.815 m³ (diện tích 605 m² x sâu 3 m).

+ Hồ lắng số 2: phía Tây mỏ (tọa độ: 1.573.371; 290.385), thể tích khoảng 3.843 m³ (diện tích 1.281 m² x sâu 3 m).

- 02 hồ giảm tốc:

+ Hồ giảm tốc số 1: phía Bắc mỏ (tọa độ: 1.573.702; 290.437), thể tích khoảng 1.110 m³ (diện tích 370 m² x sâu 3 m).

+ Hồ giảm tốc số 2: phía Nam mỏ (tọa độ: 1.573.118; 290.493), thể tích khoảng 669 m³ (diện tích 223 m² x sâu 3 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông Bắc mỏ → hồ giảm tốc số 1 → mương thu gom → hồ lắng số 1 → mương thoát nước (dài khoảng 130 m) → suối hiện trạng phía Tây Bắc.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam mỏ → hồ giảm tốc số 2 → mương thu gom → hồ lắng số 2 → mương thoát nước (dài khoảng 30 m) → mương nội đồng phía Tây Nam.

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để đất rơi vãi.

- Tạo mương vệ sinh bánh xe trước khi ra khỏi khu mỏ (kích thước: dài 7 m x rộng 5,5 m x sâu 0,4 m), thường xuyên nạo vét và bổ sung thêm nước mới để đảm bảo hiệu quả xử lý; vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 03 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng và hệ thống mương thu gom, thoát nước, mương rửa bánh xe; lưu chứa đảm bảo.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; thường xuyên nạo vét hồ lắng, mương thoát nước mưa ra suối, mương hiện trạng đảm bảo không gây sa bồi ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

- Bố trí công nhân làm nhiệm vụ điều tiết giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường công vụ từ khu vực mỏ ra đường ĐT.631.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

TT	Tên công trình	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	04 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	17.730 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng thoải về phía Tây, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	12.821,62 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	Thực hiện sau khi trồng cây được 03 năm
4.	Tháo dỡ rọ	176 m ³		Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ công	24 tấn		
6.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	40 m ²		
7.	Trồng rừng keo lai	19,7 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng hàng năm
8.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	19,7 ha	Giám sát độ sâu khai thác	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: **1.856.379.000 đồng** (Một tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

+ Lần 1, số tiền: 464.095.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 1.392.284.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 02 hồ lắng 02 ngăn, 02 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa; bãi lưu chứa tạm.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. *Giám sát nước thải tại đầu ra mỗi hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, giá trị C, cột B (hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 0,9$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.*

5.2. *Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 02 điểm trên tuyến đường qua khu dân cư; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.3. *Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.*

5.4. *Giám sát sự cố sạt lở, sa bồi xuống khu vực hạ lưu Dự án.*